TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: **484**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21/9/2023
V/v tranh chấp: "Xin ly hôn".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lil;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Ba;

2. Ông Nguyễn Phúc Viễn;

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Thanh Phong, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Trinh – Kiểm sát viên;

Trong ngày 21 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 302/2023/TLST-HNGĐ ngày 06/7/2023 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 188/2023/QĐXXST-HN ngày 21/8/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 172/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07/9/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Phạm Thị Mộng A**, sinh năm 1999 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện X, tỉnh Trà Vinh.

2. Bị đơn: **Nguyễn Minh B**, sinh năm 2001 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp M1, xã N1, huyện Y, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải và nguyên đơn chị Phạm Thị Mộng A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Minh B qua tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và sống chung như vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N1 vào ngày 07/02/2022. Thời gian đầu sống rất hạnh phúc, đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, sống không hòa hợp do không quan tâm nhau, không có tiếng nói chung nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng gay gắt không hàn gắn được, đã sống ly thân với nhau từ tháng 01 năm 2023 đến nay. Nay

tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu xin ly hôn với anh B.

Về con chung: Có con chung tên Nguyễn Minh C, sinh ngày 08/12/2020. Hiện nay đang sống với anh B, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung, chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có;

Về nợ chung: Không có;

Bị đơn anh Nguyễn Minh B đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo qui định pháp luật, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng và không có gửi văn bản ghi ý kiến phản đối về yêu cầu khởi kiện của chị A.

Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân thủ pháp luật về thẩm quyền giải quyết, về quan hệ tranh chấp, về thu thập chứng cứ đúng theo qui định pháp luật tố tụng; Về thời hạn chuẩn bị xét xử, gửi hồ sơ; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa đúng quy định.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của họ theo quy định pháp luật. Bị đơn vắng mặt không lý do, không thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Viện kiểm sát có lập luận lý do chị A xin ly hôn là do vợ chồng do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn trầm trọng, cãi vả thường xuyên, không có tiếng nói chung hiện không còn hạnh phúc. Ly thân trong thời gian dài, phía anh B đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để trình bày ý kiến, chứng tỏ anh B không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng nên đề nghị Tòa cho chị A ly hôn;

Về con chung: Có con chung tên Nguyễn Minh C, sinh ngày 08/12/2020. Hiện nay đang sống với anh B, chị A yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng. Hiện cháu C đang sống với anh B nhưng cháu còn nhỏ, chưa đủ 36 tháng tuổi nên cần giao cho chị A nuôi, anh B không có ý kiến gì về con chung nên không xem xét. Chị A không yêu cầu anh B cấp dưỡng nên anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Kiến nghị khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử xét thấy.

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị A và anh B qua tìm hiểu, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã N1 ngày 07/02/2022 là hôn nhân hợp pháp. Nay tranh chấp được xem xét giải quyết theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn chị A có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh B đã được triệu tập hợp lệ xét xử, nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị A; Hội đồng xét xử nhận thấy nguyên nhân chị A xin ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, sống không hòa hợp do không quan tâm nhau, không có tiếng nói chung nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng gay gắt không hàn gắn được, đã sống ly thân với nhau từ tháng 01 năm 2023 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu xin ly hôn với anh B. Phía anh B đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để trình bày ý kiến, chứng tỏ anh B không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng nên nên cần xem xét cho chị A ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Có con chung tên Nguyễn Minh C, sinh ngày 08/12/2020. Hiện nay đang sống với anh B, chị A yêu cầu khi ly hôn chị được nuôi con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng. Xét yêu cầu được nuôi con chung của chị A là phù hợp qui định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Tuy hiện cháu C đang sống với anh B nhưng cháu còn nhỏ, chưa đủ 36 tháng tuổi nên cần giao cho chị A nuôi, anh B không có ý kiến phản đối gì về yêu cầu được nuôi con chung nên không xem xét. Chị A không yêu cầu anh B cấp dưỡng nên anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Không có.

[6] Về nợ chung: Không có.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định.

[**8**] Về quyền kháng cáo: Chị A và anh B có quyền kháng cáo bản án theo qui định pháp luật.

[9] Xét ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án có căn cứ phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự ;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Mộng A đối với anh Nguyễn Minh B.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Mộng A được ly hôn với anh Nguyễn Minh B.

1.2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh C, sinh ngày 08/12/2020 cho chị A chăm sóc, nuôi dưỡng; Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh B có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở việc thăm nom.

1.3. Về tài sản chung: Không có;

1.4. Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí: Chị A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị A đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0026082 ngày 29/6/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Chợ Gạo nên xem như nộp xong án phí.

3. Quyền kháng cáo: Chị A và anh B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Mỹ Lil

***** Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG (thay báo cáo);
- VKSND huyện Chợ Gạo (để giám sát);
- CCTHADS huyện CG (để thi hành);
- Đương sự (để thi hành);
- UBND xã N1;
- Lưu hồ sơ